



Nhìn hình – Đoán tên





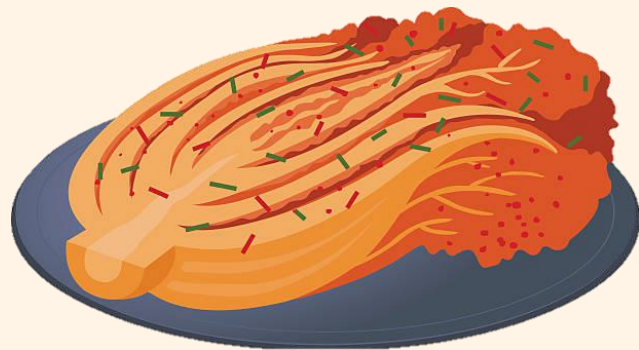
Vạn lý trường thành (Trung Quốc)



NÚI PHÚ SĨ

Biểu tượng của Nhật Bản





Hàn Quốc



Triều Tiên

Chủ đề khu vực Đông Á



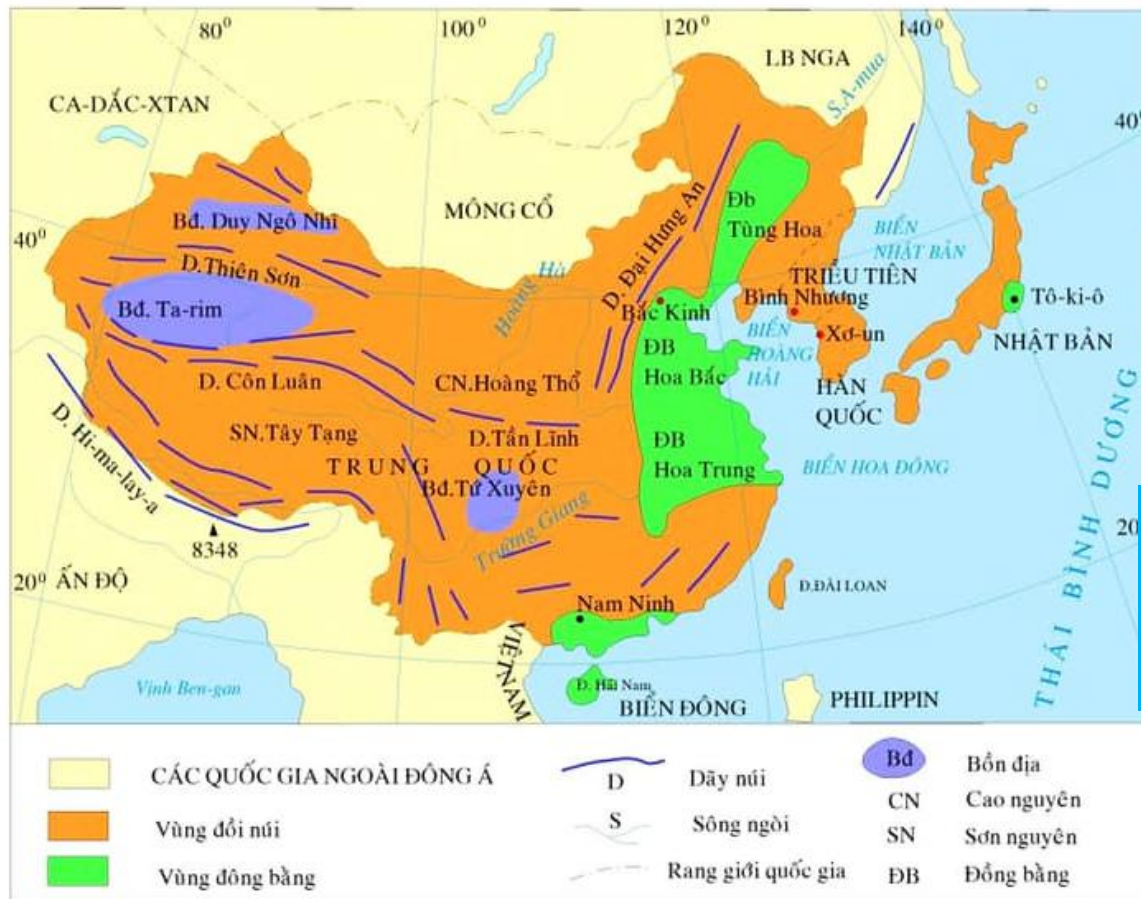
1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI KHU VỰC ĐÔNG Á



Dựa vào hình 12.1, em hãy cho biết:

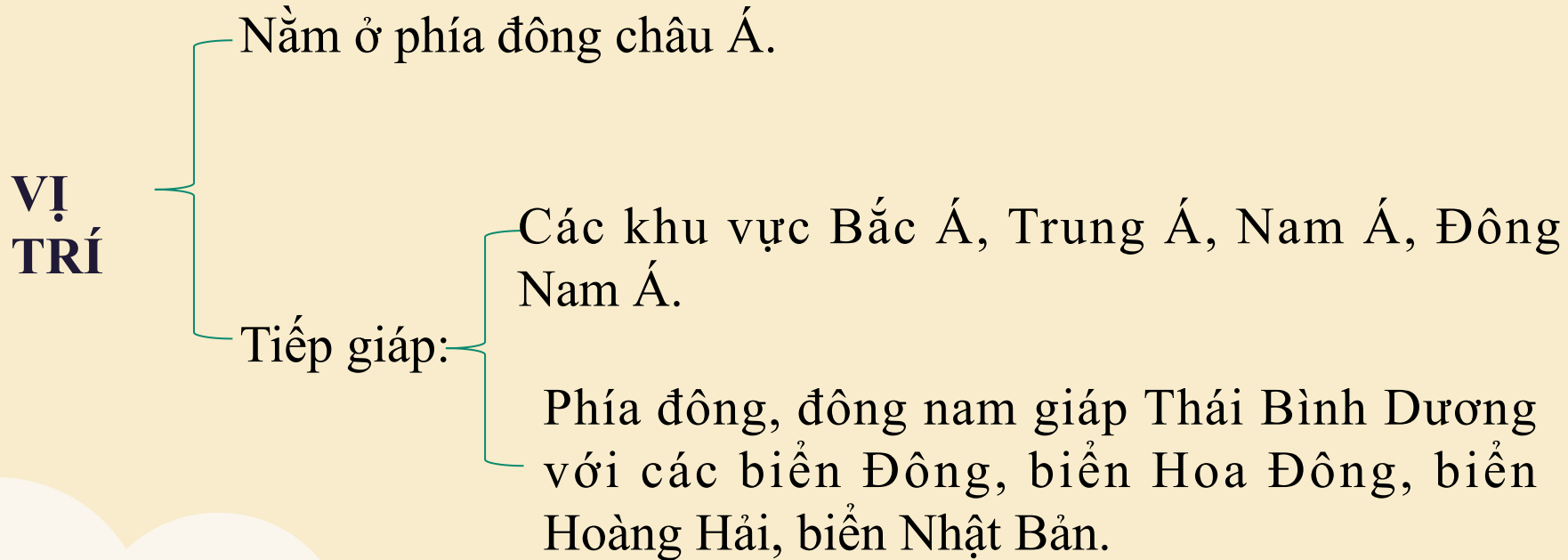
Q&A

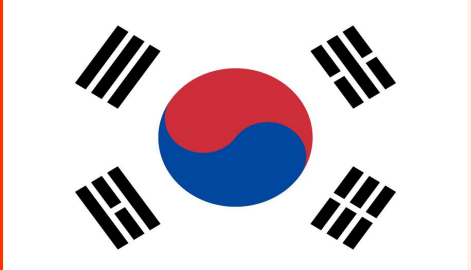
- ✓ Khu vực Đông Á bao gồm những quốc gia và vùng lãnh thổ nào?
- ✓ Các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á tiếp giáp với các biển nào?



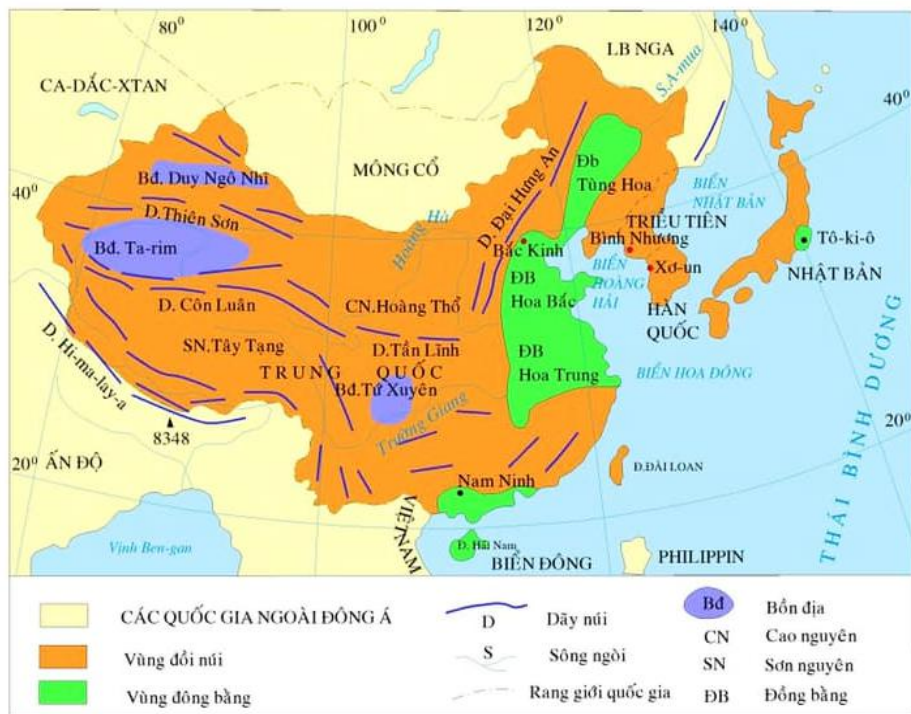
Hình 12.1. Lược đồ tự nhiên khu vực Đông Á

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI KHU VỰC ĐÔNG Á

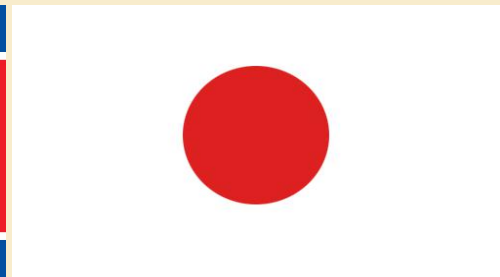




LÃNH THỔ



Hình 12.1. Lược đồ tự nhiên khu vực Đông Á



LÃNH THỔ

Phần đất liền: Gồm Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.

Phần hải đảo: Gồm quần đảo Nhật Bản, đảo Đào Loan, đảo Hải Nam.

* 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI KHU VỰC ĐÔNG Á

VỊ TRÍ

Nằm ở phía đông châu Á.

Tiếp giáp:

Các khu vực Bắc Á, Trung Á, Nam Á, Đông Nam Á.

Phía đông, đông nam giáp Thái Bình Dương với các biển Đông, biển Hoa Đông, biển Hoàng Hải, biển Nhật Bản.

LÃNH THỔ

Phần đất liền: Gồm Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.

Phần hải đảo: Gồm quần đảo Nhật Bản, đảo Đài Loan, đảo Hải Nam.

2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN



2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

○ **Hoạt động nhóm** (4 nhóm)



○ **Nhiệm vụ:**

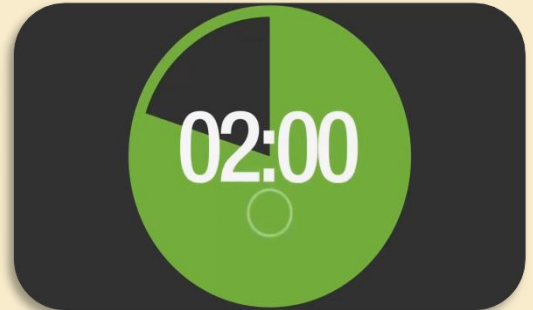
+ Nhóm 1: Hoàn thành phiếu học tập số 1

+ Nhóm 2: Hoàn thành phiếu học tập số 2

+ Nhóm 3: Hoàn thành phiếu học tập số 3

+ Nhóm 4: Hoàn thành phiếu học tập số 4

○ **Thời gian:** 5 phút hoạt động nhóm + 2 phút báo cáo sản phẩm.



PHIẾU HỌC TẬP 1

Câu 1. Kể tên các dạng địa hình chính của khu vực.

.....

.....

.....

Câu 2. So sánh sự khác biệt giữa địa hình trên đất liền và hải đảo

.....

.....

.....

Câu 3. Đánh giá những thuận lợi và khó khăn do địa hình mang lại

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 2

Câu 1. Kể tên các con sông trong khu vực.

.....

.....

Câu 2. Nêu đặc điểm các sông lớn.

.....

.....

Câu 3. Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa Sông Hoàng Hà và Sông Trường giang

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 3

Câu 1. Mô tả và trình bày đặc điểm khí hậu hai miền đông – tây của khu vực

.....

.....

Câu 2. Giải thích đặc điểm khí hậu.

.....

.....

Câu 3. Đánh giá tác động khí hậu đến sản xuất và đời sống

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP 4

Câu 1. Kể tên các kiểu cảnh quan của Đông Á.

.....

.....

Câu 2. Lí giải tại sao cảnh quan Đông Á đa dạng.

.....

.....

Câu 3. Cảnh quan nào chiếm diện tích lớn? Giải thích tại sao?

.....

.....

.....

***a. Địa
hình, sông
ngòi**

Phần đất liền:

Địa hình

Các hệ thống núi, sơn nguyên cao, hiểm trở phân bố ở phía tây Trung Quốc.

Các vùng đồi núi thấp và đồng bằng rộng và bằng phẳng: phía đông Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên.

Sông ngòi:

3 hệ thống sông lớn: S. A-mua, S. Hoàng Hà, S. Trường Giang.

Chế độ nước: nước lớn vào cuối hạ đầu thu, nước cạn vào cuối đông xuân.

Phần hải đảo: Nằm trong “vành đai lửa Thái Bình Dương”, là miền núi trẻ thường có động đất và núi lửa.

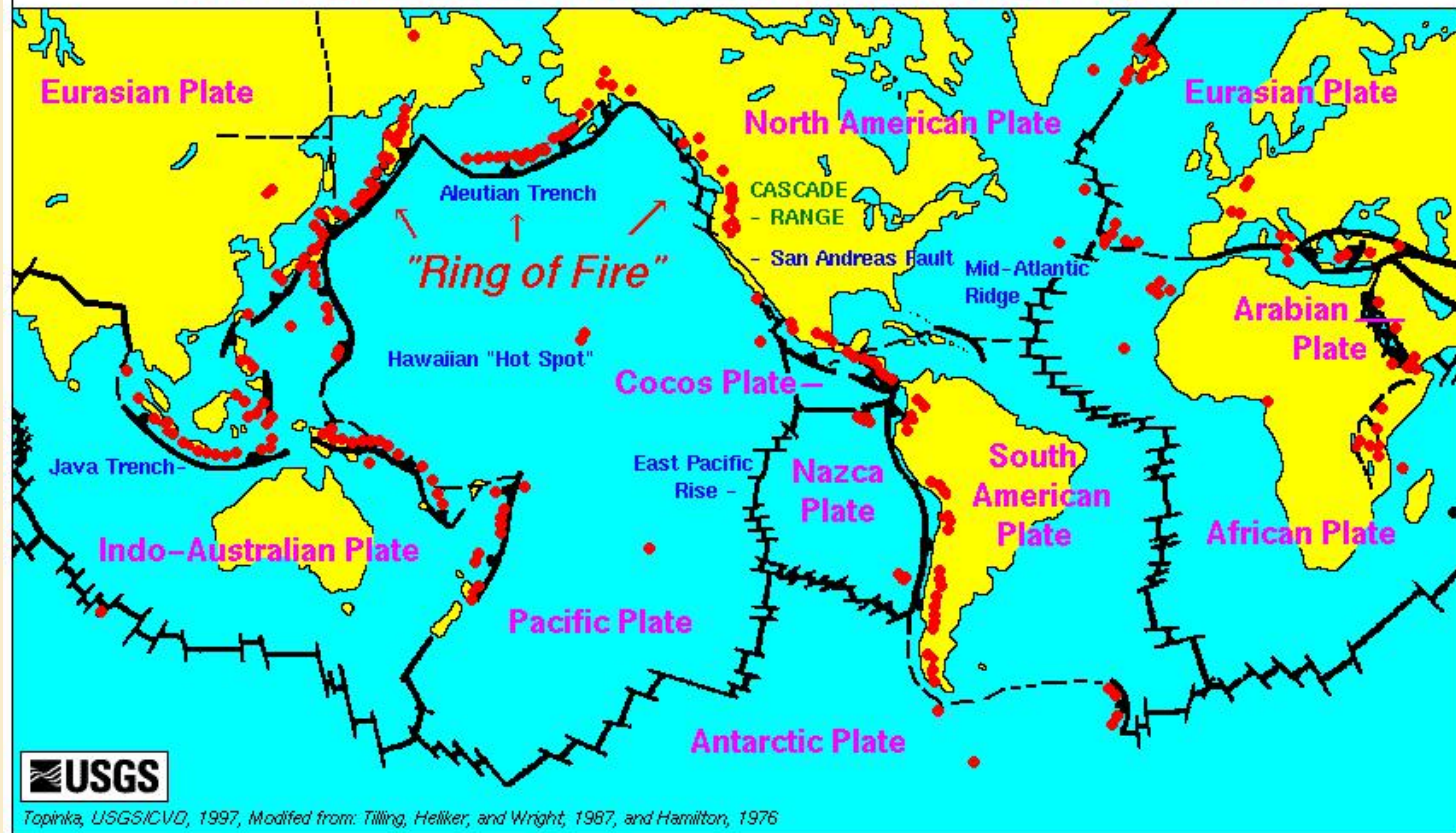


Sông Trường Giang dài 6.300 km, có tên gọi khác là Dương Tử, thuộc Trung Quốc. Đây là con sông dài nhất châu Á và dài thứ 3 thế giới.



Sông Hoàng Hà là con sông dài thứ 2 ở Trung Quốc và thứ 6 thế giới với 5.464 km. Bởi tính năng mạnh mẽ, dữ dội, Hoàng Hà được người dân biết đến với những cái tên mang nghĩa tích cực như "Cái nôi của nền văn minh Trung Quốc".

Active Volcanoes, Plate Tectonics, and the "Ring of Fire"

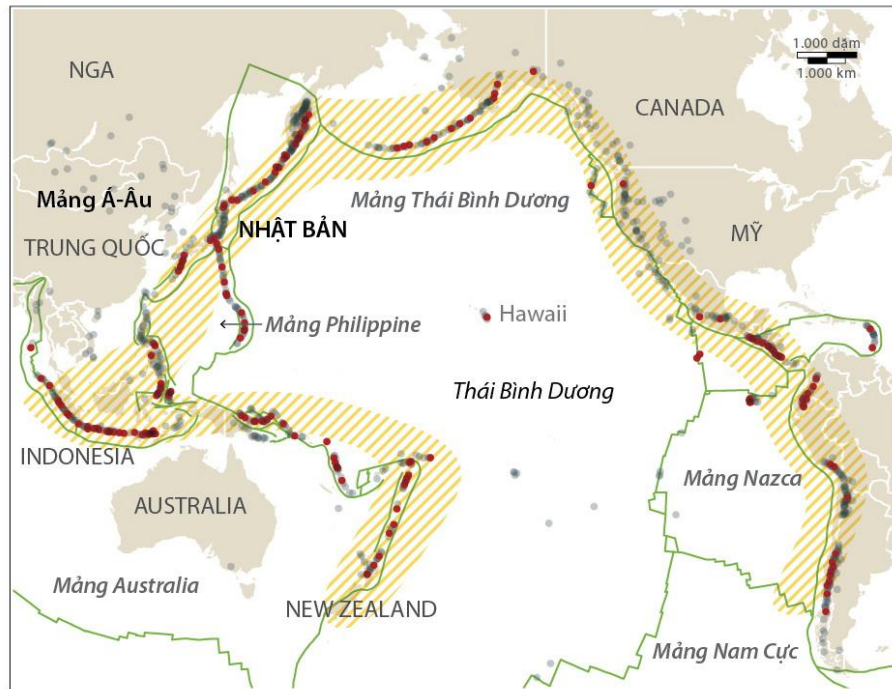


Vành đai lửa Thái Bình Dương

“Vành đai Lửa” Thái Bình Dương

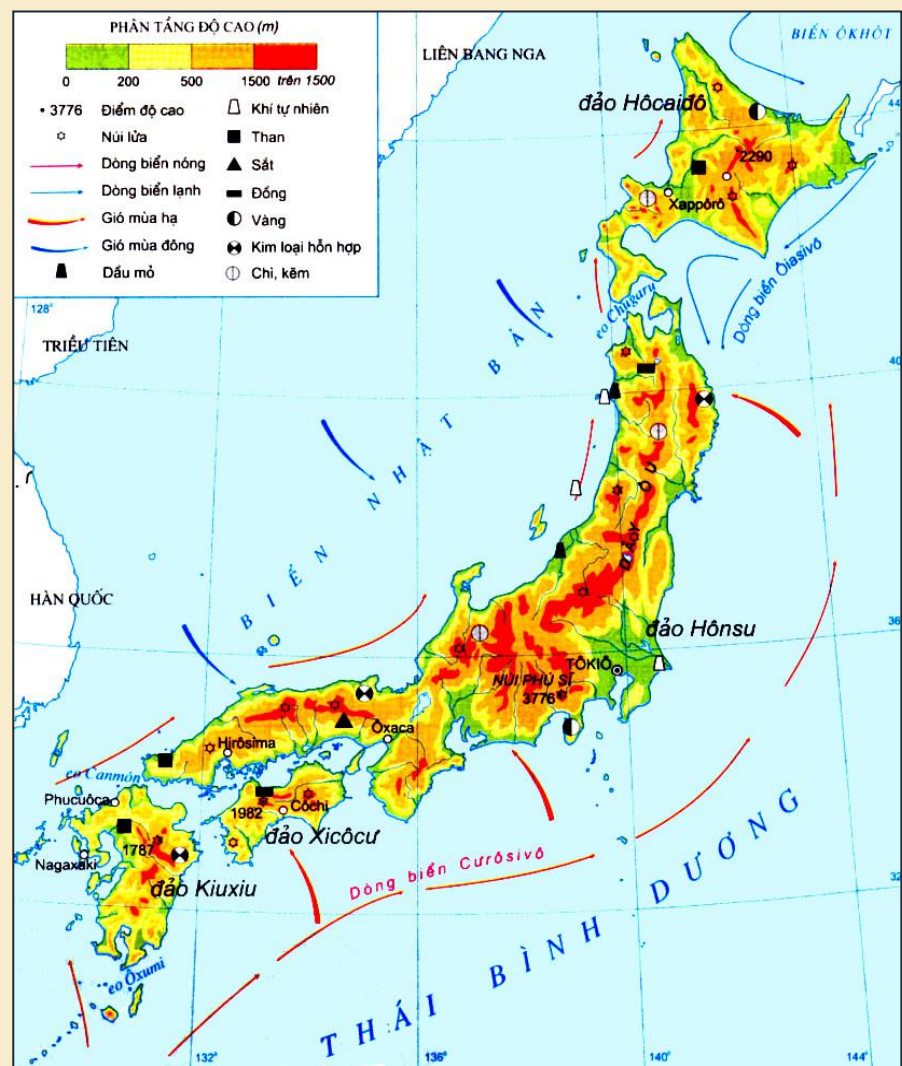
Khoảng 90% các trận động đất trên thế giới xảy ra trong khu vực “Vành đai Lửa”, một đường cung 40.000 km núi lửa và rãnh đại dương bao quanh một phần của Thái Bình Dương.

Vành đai Lửa Màng kiến tạo địa chất Núi lửa đang hoạt động* Núi lửa



* Thông tin chấn động mới nhất được ghi lại giữa năm 2000 và 2015.

Nguồn: Chương trình hoạt động núi lửa toàn cầu, viện Smithsonian;
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS).





Nhìn lại trận sóng thần 11/3/2011



*** b. Khí hậu và cảnh quan**

Phần hải đảo và phần phía đông lục địa có khí hậu gió mùa nên rừng bao phủ.

Phần phía tây đất liền: khí hậu khô nên cảnh quan thảo nguyên khô, hoang mạc và bán hoang mạc phát triển.





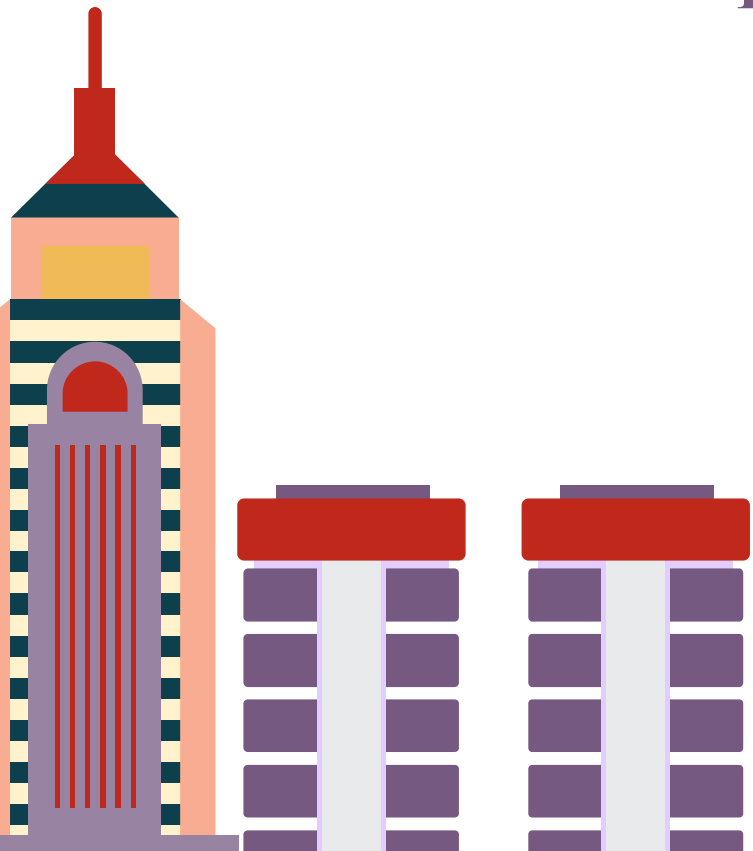
**Hoang mạc,
bán hoang mạc**





Thảo nguyên

*3. KHÁI QUÁT VỀ DÂN CƯ VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á



**Dân số các nước và vùng lãnh thổ Đông
Á (tính đến tháng 6/2021) (triệu người)**

Trung Quốc	Nhật Bản	CHDCND Triều Tiên	Hàn Quốc	Đài Loan
1444,4	126,0	25,9	51,3	23,9

Dựa vào bảng, em hãy:

- Tính số dân của Đông Á năm 2002.(1 671.5 triệu người)
- Tính tỉ lệ dân số Trung Quốc so với dân số châu Á và khu vực Đông Á.

Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của một số quốc gia Đông Á năm 2001 – 2017

(Đơn vị: Tỷ USD)

Quốc gia Tiêu chí	Nhật Bản			Trung Quốc			Hàn Quốc		
	Năm 2001	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2001	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2001	Năm 2015	Năm 2017
Xuất khẩu	403,5	625	698,4	266,6	2275	2263,3	150,4	527	573,7
Nhập khẩu	349,1	648	671,4	243,5	1682	1843,8	141,1	436	478,5

Em hãy cho biết tình hình xuất, nhập khẩu của một số nước Đông Á.
Nước nào có giá trị xuất khẩu vượt giá trị nhập khẩu cao nhất trong số
ba nước ? (năm 2017-419.5- 95.2 năm 2001 : 54.4- 23.1 - 9.3)



-3 nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc đều có giá trị xuất, nhập khẩu cao. Trong đó, giá trị xuất khẩu cao hơn so với giá trị nhập khẩu.

- Năm 2001, Nhật Bản là nước có giá trị xuất khẩu vượt giá trị nhập khẩu cao nhất với 54,41 tỉ USD

Sản lượng một số sản phẩm chính của Trung Quốc qua các năm

(Đơn vị: Triệu tấn)

Sản phẩm Năm	Lương thực	Than	Dầu thô	Thép
2005	429,4	2361,5	181,4	355,8
2010	498,5	3428,4	203,0	638,7
2013	554,4	3974,3	209,9	822,0
2017	619,8	3524,0	191,5	831,7

***3. KHÁI QUÁT VỀ DÂN CƯ VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á**

a. Khái quát dân cư:

- Khu vực có dân số đông, năm 2002 có 1509,5 triệu người
- Mật độ dân số: 128 người/km²
- Có nền văn hóa gần gũi nhau

b. Đặc điểm phát triển kinh tế

- Ngày nay, nền kinh tế phát triển nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao
- Quá trình phát triển đi từ sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đến sản xuất để xuất khẩu.

**Lưu ý Mục : Đặc điểm phát triển của một số quốc gia Đông Á
(học sinh tự học)**



The illustration features a person with long black hair, wearing an orange sweater with a white collar, sitting cross-legged on a light green oval shadow. They are using a black laptop. Behind them is a large blue monitor displaying a landscape with blue mountains, a yellow sun, and a white mountain peak. To the right of the person is a stack of five white papers with black horizontal lines. A large, bright yellow cloud shape is positioned to the right of the monitor, containing the text 'LUYỆN TẬP' in white, bold, sans-serif capital letters. The background is a light beige color with various decorative elements: two yellow squares with diagonal lines (one in the top left, one in the top right), a white circle, a dashed blue square, and a green leaf-like shape behind the monitor. The bottom of the image shows a green hill and a white cloud.

LUYỆN TẬP

Câu 1: Các quốc gia/ vùng lãnh thổ thuộc phần đất liền của Đông Á là

- ☒ A. Trung Quốc, Đài Loan.
- B. Trung Quốc, Triều Tiên.
- C. Nhật Bản, Hải Nam.
- D. Nhật Bản, Triều Tiên.

Câu 2: Các quốc gia thuộc Đông Á là

A.  Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên.

B. Nhật Bản, Việt Nam, Hàn Quốc, Triều Tiên.

C. Nhật Bản, Mông Cổ, Trung Quốc, Hàn Quốc.

D. Đài Loan, Nhật Bản, Trung Quốc, Mông Cổ.

Câu 3: Phía tây Trung Quốc có địa hình chủ yếu là

A. vùng đồi, núi thấp.

B. dải đồng bằng nhỏ, hẹp.

C. các đồng bằng rộng lớn, bằng phẳng.



. hệ thống núi, sơn nguyên cao và hiểm trở, bồn địa lớn.

Câu 4: Phần lớn các hệ thống sông lớn ở Đông Á bắt nguồn từ



Đâu?

- A. Sơn nguyên Tây Tạng.
- B. Cao nguyên Hoàng Thổ.
- C. Bán đảo Tứ Xuyên.
- D. Dãy Himalya.

Câu 5: Cảnh quan chủ yếu ở phía tây phần đất liền Đông Á là

A. rừng nhiệt đới ẩm.

B. cảnh quan núi cao.

☒ đồng cỏ cao và xavan cây bụi.

D. thảo nguyên khô, bán hoang mạc và hoang mạc.

Câu 6: Nguyên nhân chính làm cho hệ thống sông Hoàng Hà có lũ lớn vào cuối hạ đầu thu là do

A. các đập thủy điện xả nước.

B. băng trên núi tan chảy xuống.

 C. là thời kỳ mưa lớn ở vùng trung, hạ lưu.

D. con người phá rừng ở thượng nguồn.

Câu 7: Phát biểu nào là nguyên nhân chủ yếu làm cho nửa phía đông phần đất liền Đông Á mưa nhiều vào mùa hạ?

A. Do vị trí nằm ở vĩ độ trung bình.

B. Ảnh hưởng sâu sắc của biển đến phần đất liền.

C. Do dãy Đại Hưng An cao tạo địa hình chắn gió.



D. Ảnh hưởng của gió mùa đông nam thổi từ biển vào.

Câu 8: Khu vực phía Tây Trung Quốc có khí hậu khô hạn quanh năm do

A. vị trí nằm sâu trong lục địa.

B. địa hình núi cao khó gây mưa.

☒ C. đón gió mùa tây bắc khô lạnh.

D. sự thống trị của các khối áp cao cận chí tuyến.

Câu 9: Nguyên nhân chính khiến các quốc gia ở khu vực Đông Á chịu ảnh hưởng nặng nề của các thiên tai động đất, núi lửa là do

A. hoạt động của các đập thủy điện.

☒ ảnh hưởng của hoạt động của con người.

C. nằm ở nơi tiếp xúc của các mảng kiến tạo

D. ảnh hưởng từ các hoạt động dưới đáy biển.



Câu 10: Lãnh thổ phía Tây có nguồn thủy năng dồi dào, nguyên nhân không phải do?

A. Có nhiều hệ thống núi, cao nguyên đồ sộ.

B. Nhiều hệ thống sông lớn chảy qua.

C. Các sông có lưu lượng nước lớn.



Nhu cầu về điện của con người lớn.

VẬN DỤNG

Chuẩn bị Ôn tập kiểm tra cuối kỳ I

